

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2024/DS-PT

Ngày 04 tháng 11 năm 2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ tưới tiêu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà;

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ và ông Trương Văn Hai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Mỹ Duyên Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “hợp đồng dịch vụ tưới tiêu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2024/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 296/2024/QĐPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổ hợp tác dịch vụ tưới, tiêu nông nghiệp Bờ Dâu gồm:

1.1 Ông Lê Văn D1, sinh năm 1971 (Có mặt);

Nơi cư trú: Số 379, tổ 13, ấp BD, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG.

1.2 Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977 (Có mặt);

1.3 Ông Nguyễn Chí H1, sinh năm 1979.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Chí H1: Ông Lê Văn D1 và ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền (Có mặt).

Cùng cư trú: ấp Bờ Dâu, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Kh1, sinh năm 1962 (Có mặt).

Nơi cư trú: tổ 05, ấp Bờ Dâu, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Văn Bé, địa chỉ: 1245, quốc lộ 91, ấp Mỹ Pháo, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An

Diện tích 18.144m² (14 công tầm cắt) x 75.000 đồng.
(150.000 đồng/2) = 1.360.000 đồng

Tổng cộng: 7.028.000 đồng + 1.360.000 đồng = 8.388.000 đồng

Tổng nợ năm 2018: 22.928.000 đồng, bao gồm 7.270.000 đồng (vụ đông xuân) + 7.270.000 đồng (vụ hè thu) + 8.388.000 đồng (vụ thu đông).

- Năm 2019:

+ Vụ đông xuân: Diện tích $46.854\text{m}^2 \times 130.000 \text{ đồng} = 6.091.000 \text{ đồng}$

Diện tích 18.144m^2 (14 công tầm cắt) $\times 650.000 \text{ đồng}$
(130.000 đồng/2) = 1.179.000 đồng.

Tổng cộng: 6.091.000 đồng + 1.179.000 đồng = 7.270.000 đồng

+ Vụ hè thu: Diện tích $46.854\text{m}^2 \times 130.000 \text{ đồng} = 6.091.000 \text{ đồng}$

Diện tích 18.144m^2 (14 công tầm cắt) $\times 650.000 \text{ đồng}$
(130.000 đồng/2) = 1.179.000 đồng

Tổng cộng : 6.091.000 đồng + 1.179.000 đồng = 7.270.000 đồng

+ Vụ thu đông: Diện tích $46.854\text{m}^2 \times 150.000 \text{ đồng} = 7.028.000 \text{ đồng}$.

Diện tích 18.144m^2 (14 công tầm cắt) $\times 75.000 \text{ đồng}$.
(150.000 đồng/2) = 1.360.000 đồng

Tổng cộng: 7.028.000 đồng + 1.360.000 đồng = 8.388.000 đồng

Tổng nợ năm 2019: 22.928.000 đồng, bao gồm: 7.270.000 đồng (Vụ đông xuân) + 7.270.000 đồng (Vụ hè thu) + 8.388.000 đồng (Vụ thu đông).

Nguyên đơn không đồng ý khấu trừ tiền chia lợi nhuận từ cổ phần như ông Kh1 trình bày, vì việc chia lợi nhuận Tổ hợp tác đã trả cho ông Kh1 số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 28/10/2021 theo các bên thỏa thuận.

Bị đơn là ông Lê Văn Kh1 trình bày:

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Tổ hợp tác, yêu cầu Tổ hợp tác có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 70.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản hòa giải ngày 20/02/2024 ông Kh1 rút lại yêu cầu phản tố, không tranh chấp đối với đường nước Tư Thông và số tiền 70.000.000 đồng theo Đơn phản tố ngày 19/01/2023. Vì việc tranh chấp giữa Tổ hợp tác và ông đã được các bên thỏa thuận giải quyết xong theo biên bản về việc gặp gỡ, đối thoại giữa ông Lê Văn Kh1 và ông Lê Văn D1, ông Nguyễn Văn T1 theo Biên bản ngày 28/10/2021 của UBND xã Thạnh Mỹ Tây.

Diện tích đất mà Tổ hợp tác khởi kiện yêu cầu ông trả tiền lúa nước là do ông thuê của ông Trần Văn H1 nằm trong tiểu vùng do Tổ hợp tác phục vụ. Từ vụ đông xuân năm 2018 đến vụ thu đông năm 2019 ông chưa trả tiền phục vụ tưới, tiêu. Ông thừa nhận có sử dụng nước do Tổ hợp tác phục vụ và đồng ý trả tiền lúa nước cho Tổ hợp tác nhưng chỉ trả 50% mức thu đối với diện tích 34 công tầm cắt (tương đương 44.064m^2) do ông phải bơm nước cấp 2 trong tổng diện tích 64.998m^2 . Yêu cầu khấu trừ vào tiền chia lợi nhuận từ cổ phần của ông từ năm 2018 đến năm 2021 là 12 vụ thành tiền 120.000.000 đồng (mỗi vụ

10.000.000 đồng). Ông không tranh chấp đối với nương nước Tư Thông, ông thừa nhận đã nhận số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 28/10/2021.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn H1 trình bày: Ông có cho ông Kh1 thuê phần đất nông nghiệp diện tích 64.998m², tọa lạc tại ấp Bờ Dâu, xã Thanh Mỹ Tây. Việc Tổ hợp tác yêu cầu ông Kh1 trả tiền lúa nước không liên quan đến ông nên ông không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2024/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 244, Điều 264, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 468, Điều 513, Điều 515 và Điều 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Lê Văn Kh1 trả số tiền 26.649.220 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ hợp tác dịch vụ tưới, tiêu nông nghiệp Bờ Dâu.

Buộc ông Lê Văn Kh1 có nghĩa vụ trả cho Tổ hợp tác dịch vụ tưới, tiêu nông nghiệp Bờ Dâu gồm các ông Lê Văn D1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Chí H1 số tiền 45.856.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn Kh1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho Tổ hợp tác dịch vụ tưới, tiêu nông nghiệp Bờ Dâu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự:

Ông Lê Văn Kh1 phải chịu 2.292.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Tổ hợp tác dịch vụ tưới, tiêu nông nghiệp Bờ Dâu gồm các ông Lê Văn D1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Chí H1 tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.990.000 đồng theo Biên lai thu số 0015354 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09 tháng 5 năm 2024 Tòa án nhận được Đơn kháng cáo của ông Lê Văn Kh1 yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét lại bản án của

Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông phải trả số tiền 45.856.000 đồng.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bị đơn: Đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm. Nếu không hủy bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm đối với tiền bơm nước tưới tiêu diện tích 44.064m² do ông Kh1 bơm nước cấp 2 nên ông Kh1 chỉ phải trả số tiền tương ứng với diện tích đất thực tế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Kh1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2024/DS-ST ngày 07/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn Kh1 kháng cáo (Thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm) trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Kh1 theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về kháng cáo của ông Kh1, xét thấy Tổ hợp tác và ông Kh1 thống nhất ông Kh1 canh tác phần đất diện tích 64.998m², tọa lạc tại ấp Bờ Dâu, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú thuê của ông Trần Văn H1 nằm trong tiểu vùng do Tổ hợp tác phục vụ nước tưới tiêu. Đơn giá phục vụ nước tưới tiêu của vụ Đông xuân là 130.000 đồng/1.000m², vụ Hè thu là 130.000 đồng/1.000m² và vụ thu đông là 150.000 đồng/1.000m². Ông Kh1 thừa nhận có sử dụng nước tưới tiêu của Tổ hợp tác và đồng ý trả tiền lúa nước nhưng chỉ trả 50% mức thu đối với diện tích 44.064m² (Tương đương 34 công tầm cắt) trong tổng diện tích 64.998m² do ông Kh1 phải bơm nước cấp 2 nhưng không được Tổ hợp tác đồng ý và ông Kh1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Tại Biên bản xác minh ngày 30/11/2023, ông Dương Văn Nùng trình bày ông canh tác phần đất nông nghiệp khoảng 20 công tầm cắt tại khu vực kênh 10, mương Tư Thông thuộc ấp Bờ Dâu, xã Thạnh Mỹ Tây tiếp giáp với phần đất của ông H1, ông bắt đầu canh tác từ năm 1993 đến nay, ông có thấy ông Kh1 bơm nước cấp 2 được vài vụ, diện tích khoảng 14 công tầm cắt. Do đó, cấp sơ thẩm xác định ông Kh1 bơm nước cấp 2 đối với phần đất diện tích 14 công tầm cắt (Tương đương 18.144m²) nên chỉ thu 50% là có cơ sở. Do ông Kh1 đã sử dụng dịch vụ của Tổ hợp tác thông qua việc sử dụng nguồn nước của Tổ hợp tác cung cấp và thống nhất theo đơn giá phục vụ tưới tiêu từng vụ nhưng chưa trả tiền

cho Tổ hợp tác nên bản án sơ thẩm đã buộc ông Kh1 phải có nghĩa vụ trả cho Tổ hợp tác số tiền 45.856.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Kh1 yêu cầu được khấu trừ số tiền 45.856.000 đồng vào tiền chia lợi nhuận từ cổ phần của ông từ năm 2018 đến năm 2021 là 12 vụ thành tiền 120.000.000 đồng (mỗi vụ 10.000.000 đồng). Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Kh1 không yêu cầu khấu trừ số tiền 120.000.000 đồng là tiền chia lợi nhuận cổ phần nên Tòa án không xem xét, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của ông Kh1 không được chấp nhận nhưng ông Kh1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử thông nhất miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Kh1.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Kh1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2024/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú về án phí. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang và không chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bị đơn tại phiên tòa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 513, Điều 515, Điều 59 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn Kh1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2024/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang về án phí.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn Kh1 trả số tiền 26.649.220 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Tổ hợp tác dịch vụ tưới, tiêu nông nghiệp Bờ Dâu.

Buộc ông Lê Văn Kh1 có nghĩa vụ trả cho Tổ hợp tác dịch vụ tưới, tiêu nông nghiệp Bờ Dâu gồm các ông Lê Văn D1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Chí H1 số tiền 45.856.000 đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn Kh1 phải trả cho Tổ hợp tác dịch vụ tưới, tiêu nông nghiệp Bờ Dâu gồm các ông Lê Văn D1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Chí H1 số tiền 1.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

6. Về án phí:

6.1 Ông Lê Văn Kh1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

6.2 Hoàn trả lại Tổ hợp tác dịch vụ tưới, tiêu nông nghiệp Bờ Dâu gồm các ông Lê Văn D1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Chí H1 số tiền 1.990.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0015354 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- TAND H.Châu Phú;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THÂM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ

Trương Văn Hai

Trần Thị Thúy Hà